

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 18/11/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Duy Cường

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-DS ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VPBank

Địa chỉ: Số 89 H, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP VPBank (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Thế Đ - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP VPBank (Văn bản ủy quyền số 2638/2020/UQ-VPB ngày 05/10/2020)

2. Bị đơn: + Anh Phạm Văn T, sinh năm 1977

+ Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, bản tự khai ngày 22/12/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử ông Lê Thế Đ trình bày:

- Khoản vay thứ nhất: Theo Hợp đồng tín dụng số: 3080832 ngày 02/4/2015 và Khế ước nhận nợ lần 01 số 3080832 ngày 03/4/2015 thể hiện ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 có vay của Ngân hàng VPBank - Chi nhánh Thanh Hóa số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn) để mua xe ô tô nhãn hiệu Cửu Long TMT 03 chân, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 11,5 %/năm. Mức lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/7/2015. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+), biên độ 4,0%/năm. Bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 03 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc, lãi), tổng cộng gồm 60 kỳ. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 03/5/2015. Số tiền nợ gốc và lãi mà bên vay phải trả mỗi kỳ theo phương thức niên kim đều. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức theo các bên thỏa thuận trong hợp đồng này và khế ước nhận nợ, lãi suất của kỳ hạn đó cũng sẽ thay đổi theo bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi điều chỉnh định kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông T, bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng VPBank 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT KC240D, BKS 36C-105.12, số khung: 713DF1A00037, số máy: 3A11L1E30151. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009093 mang tên ông Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp số: 3080832 ngày 02/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Khoản vay thứ 2: Ngày 03/01/2017, ông Phạm Văn T đề nghị phát thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử. Ông T đề nghị phát hành thẻ tín dụng số tiền là 105.000.000 đồng, loại thẻ phát hành: Vietnam Airlines - VPBank Master Caster Card Platinum; thời hạn vay là 20 tháng; lãi suất tại thời điểm phát hành 31.08%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%. Thời hạn, hạn mức, lãi suất theo quy định của Ngân hàng VPBank.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 3080832 ngày 02/4/2015 và Khế ước nhận nợ lần 01 số 3080832 ngày 03/4/2015, ông T và bà H1 đã trả cho Ngân hàng VPBank tiền gốc 469.789.016 đồng, tiền lãi 219.298.218 đồng; tổng cộng 689.087.234 đồng. Tính đến ngày 18/11/2021 ông T và bà H1 còn nợ lại Ngân hàng VPBank số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn 214.541.699 đồng, lãi trong hạn 9.207.855 đồng, lãi quá hạn 119.224.851 đồng. Tổng cộng 342.974.135 đồng.

Đối với khoản nợ vay theo đề nghị phát thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử, ông T và bà H1 đã trả cho Ngân hàng VPBank tiền

gốc 7.202.318 đồng. Tính đến ngày 18/11/2021 ông T và bà H1 còn nợ lại Ngân hàng VPBank số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn 97.797.682 đồng, lãi quá hạn 121.708.726 đồng. Tổng cộng 219.506.408 đồng.

Nay Ngân hàng VPBank đề nghị Tòa án buộc ông T, bà H1 phải trả cho Ngân hàng VPBank tính đến ngày 18/11/2021 tổng 2 khoản là 562.480.543 đồng và tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Về lãi suất đề nghị tính theo Hợp đồng tín dụng mà 2 bên đã ký kết.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2020 ông Phạm Văn T trình bày:

Ông thừa nhận có vay Ngân hàng VPBank số tiền là 700.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 3080832 ký ngày 02/4/2015 và Khế ước nhận nợ lần 01 số 3080832 ký ngày 03/4/2015. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Cửu Long TMT KC240D 3 chân, mới 100%, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thời điểm giải ngân là 11,5% và mức lãi suất điều chỉnh theo hợp đồng đã ký kết. Tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng là chiếc xe ô tô tải màu vàng, nhãn hiệu Cửu Long TMT KC240D 3 chân, biển kiểm soát 36C - 105.12 mang tên Phạm Văn T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 3083832 ngày 02/4/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã trả cho Ngân hàng tiền gốc là 469.789.016 đồng, tiền lãi 219.298.218 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán cho Ngân hàng là 689.087.234 đồng. Tính đến ngày 22/12/2020 ông còn nợ lại ngân hàng số tiền là 214.541.699 đồng, lãi trong hạn là 9.207.855 đồng, nợ lãi quá hạn là 78.391.932 đồng. Tổng số tiền còn nợ ngân hàng là 302.141.486 đồng.

Khoản vay thứ hai theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03/01/2017 số tiền là 105.000.000 đồng, loại thẻ phát hành: Vietnam Airlines - VPBank Master Caster Card Platinum; thời hạn vay là 20 tháng; lãi suất tại thời điểm phát hành 31.08%/năm. Đối với khoản vay này ông đã thanh toán được 7.202.318 đồng tiền gốc. Tổng số tiền nợ gốc còn nợ lại là 97.797.682 đồng, nợ lãi là 79.788.239 đồng. Tính đến ngày 22/12/2020 tổng nợ lần hai là 177.585.921 đồng.

Tổng số tiền nợ cả hai khoản vay tính đến ngày 22/12/2020 là 479.727.407 đồng. Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng ông đồng ý trả cho Ngân hàng, nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông chưa thể trả được. Đối với khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng và khế ước nợ có thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô, ông đề nghị ngân hàng phối hợp thu giữ ô tô để chuyển nhượng cho người khác.

Đối với bà Vũ Thị H1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà H1. Bà H1 đã nhận văn bản nhưng không đến Tòa án để làm việc cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án, không thực hiện việc ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 BLTTDS. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T, bà H1 vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà H1 theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 15, 18, 20, 21 và Điều 23 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 phải trả nợ cho Ngân hàng VPBank tổng số tiền 562.480.543 đồng, gồm: 321.339.381 đồng tiền nợ gốc, 9.207.855 đồng tiền nợ lãi trong hạn và 240.933.307 đồng tiền nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 3080832 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 03/01/2017. Nếu ông T và bà H1 không trả nợ cho Ngân hàng thì phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng và ngân hàng VPBank có quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô BKS 105.12 để thu hồi nợ.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Buộc ông T và bà H1 phải chịu 26.499.221 đồng án phí giá ngạch tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà H1.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 có địa chỉ tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Giao dịch dân sự do các bên xác lập tháng 4/2015 và tháng 01/2017, vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng VPBank về việc yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 18/11/2021 gồm số tiền gốc và lãi tính theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng với số tiền của 2 khoản vay là 562.480.543 đồng là có cơ sở:

HĐXX xét thấy: Đối với khoản vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng số: 3080832 ngày 02/4/2015 và Khế ước nhận nợ lần 01 số 3080832 ngày 03/4/2015 giữa Ngân hàng VPBank và ông T, bà H1. Mục đích ông T, bà H1 vay để mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 11,5 %/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Đối với khoản vay ngày 03/01/2017 số tiền 105.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 tháng; lãi suất tại thời điểm phát hành 31.08%/năm. Đây là hợp đồng vay vốn thuộc dạng hợp đồng vay tài sản và đã được ký kết theo quy định của BLDS và Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Vì vậy, cần buộc ông T, bà H1 phải trả nợ cho Ngân hàng VPBank tổng số tiền 562.480.543 đồng.

Về lãi suất tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 3080832 ngày 02/4/2015 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03/01/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về tài sản đảm bảo: Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 3080832 ngày 02/4/2015 tại Văn phòng công chứng Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để bảo đảm thi hành án.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank được chấp nhận nên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng. Ông T, bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

2. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VPBank. Buộc ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP VPBank tính đến ngày xét xử (18/11/2021) tổng số tiền là 562.480.543 đồng (Năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm bốn ba đồng). Trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng số 3080832 ngày 02/4/2015 là 342.974.135 đồng (Gồm: Nợ gốc quá hạn 214.541.699 đồng, lãi

trong hạn 9.207.855 đồng, lãi quá hạn 119.224.851 đồng) và nợ theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 03/01/2017 là 219.506.408 đồng (Gồm: Nợ gốc quá hạn 97.797.682 đồng, lãi quá hạn 121.708.726 đồng).

Về lãi suất kể từ ngày 19/11/2021, thực hiện theo hợp đồng tín dụng số 3080832 ngày 02/4/2015 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03/01/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về tài sản đảm bảo: Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô tải BKS 36C-105.12, số khung: 713DF1A00037, số máy: 3A11L1E30151 mang tên ông Phạm Văn T theo hợp đồng thế chấp số 3080832 ngày 02/4/2015 tại Văn phòng Công chứng Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị H1 phải nộp 26.499.221 đồng tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng TMCP VPBank số tiền tạm ứng án phí 11.190.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002208 ngày 07/12/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình